

Số: 98/2022/QĐST-HNGĐ

Bá Thước, ngày 06 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 40/2022/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 giữa :

Nguyên đơn: Anh Trương Văn T ; Sinh năm 1970

Nơi cư trú: Thôn L , xã Đ Q , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị T Thị K h; Sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn L , xã Đ Q , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa. *Người có quyền lợi
nghĩa vụ liên quan:* Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn
huyện Bá Thước

Địa chỉ: Phố 2, thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T - Phó Giám đốc.

-Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách Xã hội huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Phố 1, thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Anh T - Giám đốc

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58; Điều 59; Điều 62; 63 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Trương Văn T và chị Trương Thị

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1- Về hôn nhân: Anh Trương Văn T và chị Trương Thị đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.3- Về con chung: Anh Trương Văn T và chị Trương Thị tự nguyện thỏa thuận khi ly hôn chị Trương Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Trương Thị Anh T, sinh ngày 29/10/2010 và cháu Trương Hoàng T, sinh ngày 03/4/2018 cho đến tuổi thành niên.

2.4- Anh Trương Văn T và chị Trương Thị tự nguyện thỏa thuận anh Trương Văn T cấp dưỡng nuôi cháu Trương Thị Anh T, sinh ngày 29/10/2010 mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng). Kể từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh T không cấp dưỡng nuôi cháu Trương Hoàng T, sinh ngày 03/4/2018.

Anh Trương Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.5- Về tài sản: Anh Trương Văn T và chị Trương Thị tự nguyện thỏa thuận: Khi ly hôn anh Trương Văn T sở hữu 01 nhà cấp 4 và toàn bộ công trình kiến trúc kiên cố gắn liền với nhà trị giá 113.000.000đ (Một trăm mười ba triệu đồng) tọa trên diện tích đất 205,8m² của thửa đất 257-14 tờ bản đồ số 6, địa chỉ thôn L, xã Đ Q, huyện B T có tứ cận như sau;

-Hướng Bắc là mặt đường liên xã có chiều dài 8,8m tính từ mốc giới giáp với phần đất hộ chị Trương Thị S đến mốc giới giáp phần đất thuộc quyền sử dụng đất của chị Trương Thị K ;

-Hướng Nam là đường nội thôn dài 12m tính từ mốc giới giáp với phần đất của hộ chị Trương Thị S đến mốc giới phần đất thuộc quyền sử dụng đất của chị Trương Thị K ;

-Hướng Đông giáp đất hộ chị Trương Thị S có chiều dài 20,5m

-Hướng Tây giáp phần đất thuộc quyền sử dụng của chị Trương Thị K có chiều dài 27,8m.

Tổng diện tích đất thuộc quyền sử dụng của anh Trương Văn T n là 205,8m có giá trị là $205,8 \text{ m}^2 \times 300.000\text{đ}/\text{m}^2 = 61.740.000\text{đ}$ (Sáu mươi một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng)

Tổng giá trị tài sản anh Trương Văn T được hưởng khi ly hôn là $61.740.000\text{đ} + 113.000.000\text{đ} = 174.740.000\text{đ}$ (Một trăm bảy mươi tư triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

-Chị Trương Thị K được quyền sử dụng diện tích đất gồm:

+ 168m² đất ở của thửa đất 257-14 tờ bản đồ số 6, địa chỉ thôn L , xã Đ Q , huyện B T có từ cận như sau:

-Hướng Bắc là mặt đường liên xã có chiều dài 5,7m tính từ mốc giới giáp với phần đất thuộc quyền sử dụng của anh Trương Văn T đến mốc giới phần đất thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà Trương Thị N .

-Hướng Nam là đường nội thôn dài 6,9m (5,1 +1,8)m tính từ mốc giới giáp với hộ anh Trương Văn T n đến mốc giới phần đất thuộc quyền sử dụng đất của bà Trương Thị N ;

-Hướng Đông giáp đất hộ anh Trương Văn T có chiều dài 27,8m

-Hướng Tây giáp phần đất thuộc quyền sử dụng của bà Trương Thị N có chiều dài 27,5m.

Diện tích đất thuộc quyền sử dụng của chị Trương Thị K là 168,2m² có giá trị là $168,2 \text{ m}^2 \times 300.000\text{đ}/\text{m}^2 = 50.460.000\text{đ}$ (Năm mươi triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

-Chị Trương Thị K được quyền sử dụng diện tích đất gồm: 308,3m² của thửa đất 257-53 tờ bản đồ số 6, địa chỉ thôn L , xã Điền Q , huyện B T có từ cận như sau:

-Hướng Bắc là mặt đường liên xã có chiều dài 15,3m (9,3+6,0)m tính từ mốc giới giáp với phần đất thuộc quyền sử dụng của anh Phan Công đến mốc giới phần đất thuộc quyền sử dụng đất của hộ chị Trương Thị T .

-Hướng Nam dài 4,4m giáp đất lâm nghiệp tính từ mốc giới giáp đất với anh Phan C đến mốc giới giáp phần đất thuộc quyền sử dụng của hộ chị Trương Thị T .

-Hướng Đông giáp phần đất thuộc quyền sử dụng của hộ chị Trương Thị T có chiều dài 31,4m

-Hướng Tây giáp phần đất thuộc quyền sử dụng của hộ anh Phan C có chiều dài 34,9m.

Giá trị quyền sử dụng đất là $308,8m^2 \times 300.000đ/m^2 = 92.490.000đ$ (Chín mươi hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

Tổng giá trị tài sản (02 mảnh đất) chị Trương Thị K hưởng khi ly hôn là $92.490.000đ + 50.460.000đ = 142.950.000đ$ (Một trăm bốn mươi hai triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

-Các đương sự tự nguyện thỏa thuận không ai phải giao tiền chênh lệch chia tài sản cho ai.

-Các đương sự tự nguyện thỏa thuận chị Trương Thị K có quyền lưu cư 02 (hai) năm kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

2.6 Về khoản nợ chung: Các đương sự tự nguyện thỏa thuận:

-Anh Trương Văn Thuận có trách nhiệm trực tiếp trả khoản nợ cho Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: 3503-LAV-202100908.

-Chị Trương Thị K có trách nhiệm trả khoản nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Theo sổ vay vốn mã số khách hàng là: 2700230145.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

-Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa được quyền thu nợ trực tiếp từ anh Trương Văn T là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số: 3503-LAV-202100908.

-Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bá Thước được quyền thu nợ trực tiếp từ chị Trương Thị K món vay là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng). Theo sổ vay vốn mã số khách hàng là: 2700230145.

3.- Về án phí: Căn cứ vào Điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Trương Văn T và chị Trương Thị K thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản khi ly hôn.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THA;
- UBND xã Điện Quang;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên

